

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2020

V/v tranh chấp HNGĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc H

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Trần Phú Y

2/. Bà Phạm Thị Ngọc L

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết X – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11 /2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Chấn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu T (khu 6 cũ), phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu T (khu 6 cũ), phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

(Bà T, ông C đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án Nguyên đơn bà Lê Chấn T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi chung sống với ông Hoàng Văn C từ năm 1988 hoàn toàn tự nguyện nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp tính nết của nhau, mỗi người một quan điểm sống, thường xuyên xô xát dẫn đến vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc

nhau nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ giải quyết không công nhận tôi và ông C là vợ chồng.

+ Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là Hoàng Thị Bích P, sinh ngày 26/01/1989 và Hoàng Thị Quỳnh M, sinh ngày 11/01/1993. Hiện nay các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tôi đã tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về công nợ, công sức đóng góp gia đình : Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hoàng Văn C trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà T chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình hai bên không hợp nhau, mỗi người một quan điểm sống nên vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ giải quyết không công nhận tôi và bà T là vợ chồng.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thị Bích P, sinh ngày 26/01/1989 và Hoàng Thị Quỳnh M, sinh ngày 11/01/1993. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng tôi đã tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về công nợ, công sức đóng góp gia đình : Ông C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Lê Chấn T và ông Hoàng Văn C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các đương sự đều cư trú tại phường T, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, các đương sự đều thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Tuy nhiên, do bà T và ông C chung sống với nhau

nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xem xét quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C nhận thấy: Bà Lê Chấn T và ông Hoàng Văn C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 và có 2 con chung tuy nhiên đến thời điểm hiện nay vẫn không có đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử nhận định: Bà T, ông C có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình, chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay cả hai bên đều đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ giải quyết tuyên bố hai người không phải là vợ chồng thì Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên bố không công nhận bà T và ông C là vợ chồng phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung : Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thị Bích P, sinh ngày 26/01/1989 và Hoàng Thị Quỳnh M, sinh ngày 11/01/1993. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, bà T và ông C không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Bà T và ông C đã tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về công nợ, công sức đóng góp gia đình : Bà T và ông C đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà Lê Chấn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14, Điều 53, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Xử tuyên bố bà Lê Chấn T và ông Hoàng Văn C không phải là vợ chồng.

2/. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thị Bích P, sinh ngày 26/01/1989 và Hoàng Thị Quỳnh M, sinh ngày 11/01/1993. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, bà T và ông C không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3/. *Về tài sản chung*: Bà T và ông C đã tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/. *Về công nợ , công sức đóng góp gia đình* : Cả bà T và ông C đều xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5/. *Về án phí*: Bà Lê Chấn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận bà Lê Chấn T đã nộp 12.300.000đ (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002578 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ. Hoàn trả lại cho bà Lê Chấn T 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Phú Thọ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc H

Thị xã Phú Thọ, ngày 24 tháng 12 năm 2020

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Ngọc Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Trần Phú Yên**

2. Bà Phạm Thị Ngọc Lan

Căn cứ vào Điều 235 và Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi giờ phút, ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Chấn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu T (khu 6 cũ), phường T, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu T (khu 6 cũ), phường T, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc hỏi và tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Về áp dụng điều luật: Căn cứ Điều 14, Điều 53, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Kết quả biểu quyết: 3/3.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Xử tuyên bố bà Lê Chấn T và ông Hoàng Văn C không phải là vợ chồng.

2/. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thị Bích Phương, sinh ngày 26/01/1989 và Hoàng Thị Quỳnh Mai, sinh ngày 11/01/1993. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, bà T và ông C không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3/. Về tài sản chung: Bà T và ông C đã tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/. Về công nợ, công sức đóng góp gia đình: Bà T và ông C đều xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

5/. Về án phí: Bà Lê Chấn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận bà Lê Chấn T đã nộp 12.300.000đ (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002578 ngày 26/10/2020 của Chi cục T hành án dân sự thị xã Phú Thọ. Hoàn trả lại cho bà Lê Chấn T 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật cho các đương sự.

Việc nghị án kết thúc hồi giờ phút cùng ngày./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Hà